

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2020/HS-PT
Ngày: 30-10-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trinh.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hoàng Dũng.

Bà Trương Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyền Trang - thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Lượm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30-10-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 147/2020/TLPT-HS ngày 1-10-2020, đối với bị cáo Thang Vĩnh T, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận N đối với bản án hình sự sơ thẩm số 146/2020/HSST ngày 8 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận N.

- Bị cáo có kháng nghị:

Thang Vĩnh T sinh ngày 5 tháng 9 năm 1984, tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Nghề nghiệp: Lái xe ô tô; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Thang C và bà: Châu Thị B; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư Võ Phương N - Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ, ngày 5-5-2020, Thang Vĩnh T đến nhà trọ tại phường H,

quận N, thành phố Cần Thơ, để tìm phòng trọ cho bạn (là Đỗ Thị C). Sau khi xem xong, T cho C biết rằng đã tìm được phòng trọ và hẹn dẫn C đến xem.

Khoảng 17 giờ 30 phút, cùng ngày, T dẫn C và A (là chị của C) đến xem phòng trọ. Khi đến nơi, thấy cửa rào không có khóa, nên T đi thẳng vào, tìm chủ nhà, nhưng không gặp. T nhìn thấy có phòng còn mở cửa. Nhìn vào bên trong, thấy có vài điện thoại di động trên giường và trên đầu tủ nhựa có một cọc tiền được bó lại bằng dây thun. T nhanh chóng lấy cọc tiền, giấu vào túi quần, rồi quay trở ra. T nói: “Chủ không có ở nhà” và hẹn dẫn C và A trở lại xem phòng trọ vào ngày khác.

Theo kết quả điều tra và lời khai của bị hại, số tiền bị chiếm đoạt là 50.000.000đ. Bà Thang Bích V (là chị của T) đã nộp tiền để khắc phục hậu quả, thay cho T. Cơ quan điều tra đã cho bị hại nhận lại tài sản.

Tại bản án số 146/2020/HS-ST ngày 8-9-2020, Tòa án nhân dân quận N đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt Thang Vĩnh T 1 năm 6 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 3 năm.

Ngoài ra, còn có quyết định về xử lý vật chứng và án phí trong vụ án.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, ngày 22-9-2020, Viện kiểm sát nhân dân quận N kháng nghị, đề nghị không cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên giữ nguyên Kháng nghị số 03/QĐ-VKSNK ngày 22-9-2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận N.

Không có ai cung cấp thêm chứng cứ về các tình tiết mới.

Lược sư, bào chữa cho bị cáo, cho rằng: Bị cáo phạm tội có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo phạm tội nhất thời. Hiện nay có nơi cư trú và việc làm ổn định. Nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, cho bị cáo có thời gian để tự cải tạo, mà vẫn đảm bảo yêu cầu phòng ngừa tội phạm chung.

Kiểm sát viên nhận định: bản án sơ thẩm đã tuyên có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên cho bị cáo hưởng án treo không đảm bảo tác dụng phòng ngừa tội phạm này hiện nay, nên đề nghị sửa bản án sơ thẩm, xử phạt tù giam đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm tuân thủ các quy định của Pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho những người tham gia tố tụng. Các chứng cứ

tại hồ sơ đủ để kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như để giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

[1] Lợi dụng tình huống đi xem phòng trọ, khi phát hiện tài sản để trong phòng mà không có người trông coi, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 50.000.000đ của bị hại. Xét xử bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Khi lượng hình Tòa án sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ theo luật định. Mức hình phạt đã tuyên là dưới mức khởi điểm của khung hình phạt và còn tiếp tục cho hưởng án treo là không phù hợp với chính sách hình sự của Nhà nước, bởi các lẽ như sau:

Thứ nhất: - Nếu đã có đủ điều kiện để cho hưởng án treo thì cho hưởng án treo.

- Nếu không có đủ điều kiện để cho hưởng án treo, mà chỉ có đủ điều kiện để xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thì áp dụng mức hình phạt cho tương xứng, để buộc bị cáo phải chấp hành, không phải để hưởng án treo.

Cho bị cáo hưởng án treo trong trường hợp như vậy là xem xét 2 lần cùng một số tình tiết giảm nhẹ.

Thứ hai: Bị cáo có thói quen tiêu xài lớn, thích làm ra vẻ người có thu nhập cao, nhưng không lo nỗ lực lao động, coi thường thành quả lao động của người khác. Gia đình của bị cáo đã phải nhiều lần gánh việc trả nợ thay cho bị cáo (BL. 20). Lỗi phạm tội này cho thấy bị cáo chẳng những không cải sửa, mà còn phạm pháp. Trong khoảng thời gian ngắn bị cáo đã tiêu xài hết một số tiền lớn như vậy. Hành vi phạm tội không chỉ gây thiệt hại về tài sản, mà còn gây mất an ninh trật tự và an toàn xã hội. Cần phải áp dụng hình phạt cho nghiêm mới đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội, nên chấp nhận Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận Kháng nghị số 03/QĐ-VKSNK ngày 22-9-2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận N.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Thang Vĩnh T phạm tội **Trộm cắp tài sản**.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51;

khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Thang Vĩnh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu chấp hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành.

Không ai phải nộp án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan tố tụng Q. N;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trinh